TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/HS-PT
Ngày: 11/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: ông **Phùng Anh Dũng** và bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập** – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Chiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 310/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Huỳnh Thị S, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai) xét xử sơ thẩm về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2025/HS-ST ngày 15/5/2025.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Huỳnh Thị S, sinh ngày 11 tháng 5 năm 1965 tại tỉnh Bình Định; nơi thường trú: Tổ C, khu V, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi ở hiện tại: Số D đường T, tổ C, khu V, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Bình Định); nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần K1; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Đ (đã chết) và bà Tô Thị K (đã chết); có chồng Nguyễn Văn S1, sinh năm 1961 và 04 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/10/2023. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị S:

+ Luật sư Hoàng Văn H – Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Vắng mặt.

+ Luật sư Từ Thị Bích N – Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Vắng mặt.

+ Luật sư Vũ Hoàng Nhật T – Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt.

Cùng địa chỉ: P, Tòa nhà N, đường L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội).

- Bị hại có kháng cáo: bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Khu phố B, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (nay là phường B, tỉnh Gia Lai). Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Nguyễn Văn H1 – Văn phòng Luật sư Nguyễn H1 và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: A H, phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 28/4/2018 đến tháng 10/2019, Huỳnh Thị S đã vay mượn tiền của Ngô Văn H2 nhiều lần. Mỗi lần cho S vay tiền thì H2 đều nói cho Nguyễn Thị Ngọc O, là vợ H2 biết. Nguồn gốc số tiền H2 cho S vay là tiền mượn của bà Nguyễn Thị T1 là mẹ vợ Hầu. Trong số các lần H2 cho S vay tiền thì O còn giữ 03 chứng từ (gồm: 02 Giấy mượn tiền và 01 Giấy nhận nợ).

Đến sáng ngày 26/10/2019, S cùng vợ chồng H2 đến quán cà phê tại khách sạn M, Tp . để đối chiếu nợ. Tại đây, H2 và S đối chiếu việc vay, mượn tiền thông qua 03 chứng từ mượn tiền do S viết. Sau đó cả hai thống nhất xác nhận đến ngày 26/10/2019, S còn nợ H2 tổng số tiền 12.000.000.000 đồng. S đồng ý sẽ viết lại giấy mượn tiền để giao cho H2 và lấy lại các giấy mượn tiền đã viết giao cho H2 trước đó. Lúc này, O không đồng ý giao trả lại 03 chứng từ nêu trên, với lý do S chưa trả tiền. Vì vậy, S đã viết giấy mượn tiền ngày 26/10/2019 đưa cho H2 thể hiện nội dung Huỳnh Thị S có mượn của ông Ngô Văn H2 số tiền 12.000.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này là bao gồm cả gốc lẫn lãi trong 02 năm, giấy này là xác nhận mới nhất (còn tất cả những giấy viết nợ trước đây không còn giá trị pháp lý sau này).

Sau khi đã đối chiếu với S xong, H2 về tự kiểm tra lại các khoản tiền đã cho S vay, mượn thì phát hiện còn thiếu 3.000.000.000 đồng nên liên hệ đề nghị gặp S để đối chiếu lại thì S đồng ý. Trưa ngày 13/11/2019, vợ chồng H2 và S gặp nhau tại quán cà phê ở khách sạn M, Tp .. Sau khi hai bên đối chiếu lại các khoản vay, mượn nợ thì xác định đến ngày 13/11/2019, S còn nợ H2 với tổng số tiền là 15.000.000.000 đồng. S đồng ý và viết giấy mượn tiền giao cho ông H2 thể hiện nội dung S còn nợ H2 số tiền là 15.000.000.000 đồng, số tiền này gồm gốc lẫn lãi kể từ trước đến nay (từ tháng 6/2018 đến ngày 13/11/2019). Đồng thời, S thu lại giấy mượn tiền đề ngày 26/10/2019 đã giao cho H2 (với số tiền 12.000.000.000 đồng như trên).

Thời điểm này, H2 bị bệnh nặng và có lịch hẹn đi Singapore khám, chữa

bệnh vào ngày 14/11/2019. Do đó, sau khi đối chiếu nợ với S xong thì vợ chồng H2 đã thỏa thuận thống nhất với Huỳnh Thị S, sẽ chuyển toàn bộ số tiền 15.000.000.000 đồng mà S nợ H2 thành S nợ bà Nguyễn Thị T1, vì thực tế số tiền H2 cho S vay cũng là tiền của bà T1. S đồng ý và yêu cầu H2 soạn sẵn văn bản rồi mang đến Văn phòng khách sạn K2 (địa chỉ tại số E, đường T, Tp ., tỉnh Bình Định) để S và bà T1 cùng ký xác nhận. Sau đó, Nguyễn Thị O soạn thảo 02 "Giấy vay tiền" đề ngày 13/11/2019 giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị T1 và bên vay là Huỳnh Thị S, với nội dung như H2 và S đã thoả thuận.

Khoảng 19h00' ngày 13/11/2019, vợ chồng H2 cùng bà T1 đến văn phòng khách sạn K2 gặp S theo thỏa thuận. Đúng hẹn, S đến cùng Ngô Thị Kim H3. Tại đây, sau khi kiểm tra xong 02 "Giấy vay tiền" đề ngày 13/11/2019 do O soạn sẵn, S đồng ý nội dung và cùng bà T1 ký tên, điểm chỉ trên 02 bản gốc giấy vay tiền này, mỗi bên giữ một bản để theo dõi thực hiện. Hai bên thống nhất kể từ ngày 13/11/2019 về sau, S có nghĩa vụ trả nợ số tiền 15.000.000.000 đồng cho bà T1, chứ không phải trả nợ trực tiếp cho H2. Vì vậy, H2 đã trả lại Giấy mượn tiền mà S đã viết cho H2 vào trưa ngày 13/11/2019, ở quán cà phê ở khách sạn M, với số tiền 15.000.000.000 đồng.

Đến thời hạn thỏa thuận (06 tháng sau), bà T1 liên lạc nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng S liên tục hứa hẹn, né tránh không thực hiện việc trả nợ nên bà T1 khởi kiện dân sự ra Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn. Quá trình Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn thụ lý giải quyết vụ án dân sự số 105 ngày 06/7/2020 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" thì S không thừa nhận nợ tiền bà T1 mà trình bày với nội dung: "viết giấy mượn tiền của Hầu ngày 26/10/2019 và ngày 13/11/2019, ký giấy vay tiền của bà T1 ngày 13/11/2019 để giúp H2 đối phó với chủ nợ trước khi đi Singapore chữa bệnh" chứ không có việc vay, mượn và nợ tiền xảy ra. Do đó, bà T1 làm Đơn tố cáo gửi đến Cơ quan điều tra.

Mặc dù, trong giai đoạn đầu, Huỳnh Thị S chối bỏ trách nhiệm, không công nhận mình có vay của ông H2 tổng số tiền 15.000.000.000 đồng, nhưng đến ngày 03/7/2024 thì S đã tự khai nhận toàn bộ nội dung việc vay tiền nhiều lần của ông H2, với tổng số tiền 15.000.000.000 đồng. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo và các tài liệu thu thập được thì phù hợp với tài liệu mà bị hại cung cấp. Do đó, đủ căn cứ xác định bị can S có hành vi chiếm đoạt của ông H2 số tiền 15.000.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 140/PC09 ngày 21/5/2021 của Phòng K3 - Công an tỉnh B, kết luận: "Trích xuất dữ liệu điện thoại IPhone7 của Ngô Văn H2 được 12 tin nhắn do Hầu gửi cho bà S từ ngày 02/8/2018 đến 23/11/2019, nội dung có liên quan đến quan hệ vay, mượn tiền, trao đổi tình hình giữa H2 và bà S. Tuy nhiên những tin nhắn này không thể hiện nội dung chi tiết khoản vay, mượn tiền cụ thể. Không có tin nhắn bà S trả lời ông H2."

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2025/HS-ST ngày 22/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai), quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thị S phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị S 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2023.

- Bồi thường thiệt hại: bị cáo Huỳnh Thị S phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 15.000.000.000 đồng. Tạm giữ 30.000.000 đồng do gia đình bị cáo nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định theo biên lai thu tiền số 0001796 ngày 15.5.2025 để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 23/05/2025, bị cáo Huỳnh Thị S kháng cáo kêu oan.

- Ngày 15/05/ 2025, bị hại bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, và yêu cầu về phần trách nhiệm dân sự buộc chồng của bị cáo ông Nguyễn Văn S1 cùng có nghĩa vụ hoàn trả tài sản cho bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của bị hại và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại, nhằm làm rõ các tình tiết khánh quan của vụ án để đảm bảo việc giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện, đúng người, đúng tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo thì thấy, Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Thị S không thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo cho rằng vì tin tưởng anh Ngô Văn H2 nên đồng ý giúp anh ký giấy vay tiền để đối phó với chủ nợ, thực tế không vay tiền và không nhận tiền của anh H2. Bị cáo thừa nhận từ ngày 28/4/2018 đến 10/2019, bị cáo có vay tiền của anh H2 và viết 03 giấy vay nợ với tổng số tiền là 5.000.000.000 đồng nhưng bị cáo đã trả xong. Do đó bị cáo không phạm tội.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào 02 giấy mượn tiền và 01 giấy nhận nợ và lời khai bị cáo thừa nhận có vay mượn tiền của ông Ngô Văn H2 với tổng số tiền là 5.000.000.000 đồng thì có đủ căn cứ để xác định bị cáo Huỳnh Thị S có vay của ông Ngô Văn H2 với số tiền 5.000.000.000 đồng. Bị cáo cho rằng đã nhờ con gái là Nguyễn Thị Tố U chuyển tiền cho chị Lê Thị Tú H4 có nội dung "Hầu chuyển tiền" và khoản tiền 2.300.000.000 đồng chuyển cho bà Nguyễn Thị Thúy L để trả tiền cho ông H2. Vấn đề này Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung để điều tra làm rõ. Ngày 10/02/2025 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã điều tra và trả lời tại Công văn số 335/VKS-P2: Kết quả

điều tra xác định số tiền này bị cáo chuyển trả nợ cho anh Ngô Văn H2, tuy nhiên thời điểm chuyển là ngày 01/02/2019 trước ngày 13/11/2019 là ngày bị cáo chốt nợ với anh Ngô Văn H2 là 15.000.000.000 đồng nên số tiền 1.700.000.000 đồng không nằm trong số tiền 15.000.000.000 đồng mà bị cáo đã chốt nợ với anh H2. Đối với số tiền 2.300.000.000 đồng: Kết quả điều tra xác minh làm việc với bà Nguyễn Thị Thúy L (chủ tài khoản nhận tiền), bà Nguyễn Thị G, Phạm Thị N1, Cao Thị T2 đều xác định số tiền 2.300.000.000 đồng không phải số tiền bị cáo S trả nợ cho anh Ngô Văn H2. Do đó không có căn cứ xác định bị cáo S đã trả 5.000.000.000 đồng cho anh Ngô Văn H2. Bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với số tiền 5.000.000.000 đồng.

[2]. Đối với "Giấy vay tiền" lập ngày 13/11/2019 với số tiền 15.000.000.000 đồng của anh Ngô Văn H2, các bên thống nhất việc chuyển nợ và bị cáo S có nghĩa vụ trả nợ số tiền này cho bà Nguyễn Thị T1 (là mẹ vợ Hầu). Bị cáo S và bà T1 đều xác nhận không có việc giao nhận tiền giữa bị cáo và bà T1. Trong giấy vay tiền trên ghi "Tôi Huỳnh Thị S có mượn của ông Ngô Văn H2 số tiền là 15.000.000.000 đồng, số tiền này gồm gốc lẫn lãi kể từ trước đến nay". Vấn đề này Hội đồng xét xử Cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ cho để điều tra làm rõ tiền gốc và tiền lãi trong số tiền 15.000.000.000 đồng. Tại Công văn số 335/VKS-P2 ngày 10/02/2025 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã trả lời: Không xác định được cụ thể tiền gốc bao nhiêu, tiền lãi bao nhiêu do anh Ngô Văn H2 đã chết và bị cáo không thừa nhận có nợ anh Ngô Văn H2 số tiền 15.000.000.000 đồng.

Như vậy, Bị cáo Huỳnh Thị S đã có hành vi vay mượn tiền của anh H2 5.000.000.000 đồng (số tiền vay mượn được bị cáo thừa nhận có nhận tiền từ anh H2, được chứng minh qua 03 giấy mượn tiền) do anh H2 đã chết, bị cáo né tránh trách nhiệm trả nợ dù hạn trả nợ đã hết, bị cáo gian dối, không thừa nhận có việc vay mượn và nợ tiền với mục đích chiếm đoạt số tiền 5.000.000.000 đồng của bị hại.

[2.1] Đối với số tiền 10.000.000.000 đồng còn lại, Cơ quan điều tra không chứng minh được tiền gốc (tiền thực nhận) và tiền lãi (tiền chưa nhận) để xác định số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại, do đó Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm căn cứ Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự, không đủ căn cứ để buộc bị cáo chiếm đoạt 10.000.000.000 đồng còn lại là có căn cứ. Do đó, tòa sơ thẩm qui buộc bị cáo Huỳnh Thị S chiếm đoạt là 5.000.000.000 đồng, đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Huỳnh Thị S đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Tòa cấp sơ thẩm đã cân nhắc các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Do đó không có cở sở chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

[3]. Về bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, người bị hại yêu cầu bị cáo trả tiền gốc là 15 tỷ đồng, (trong đó có 5 tỉ chiếm đoạt và 10 tỷ tiền mượn) tiền lãi

tính theo quy định của pháp luật là 14.670.000.000 đồng, tổng cộng là 29.670.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy nhận nợ 13/11/2019, bị cáo S, anh H2 và bà T1 đều thống nhất số tiền 15.000.000.000 đồng gồm gốc lẫn lãi. Tuy nhiên Cơ quan điều tra không điều tra được số tiền gốc và lãi cụ thể là bao nhiêu, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để tính lãi theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại giấy nhận nợ trên, các bên đều thống nhất 15.000.000.000 đồng gồm tiền gốc và lãi nên buộc bị cáo Huỳnh Thị S phải trả cho bà Nguyễn Thị T1 15.000.000.000 đồng. Việc giao dịch vay mượn giữa bà S với ông Hầu T3 ông Nguyễn Văn S1 chồng bà T3 không tham gia nên không có nghĩa vụ bồi thường trong vụ án lạm dụng tín nhiệm này. Vì vậy, bác kháng cáo Huỳnh Thị S kháng cáo và kháng cáo bị hại bà Nguyễn Thị T1.

Ngoài ra, Tại phiên tòa hôm nay người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng, quá trình điều tra truy tố xét xử bị cáo Huỳnh Thị S đã tẩu tán, chuyển dịch tài sản cho con của bà là Nguyễn Thị Ngân S2 để bà S2 đã chuyển nhượng tài sản trái pháp luật cho người khác gồm hai ngôi nhà và một khách sạn. Vấn đề này bị hại và người đại diện được quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự độc lập khác theo qui định pháp luật.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị S và bị hại Nguyễn Thị T1 giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

1. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thị S phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

2.Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị S 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2023.

3. Bồi thường thiệt hại: bị cáo Huỳnh Thị S phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T1 tổng số tiền 15.000.000.000 đồng. Tạm giữ 30.000.000 đồng do gia đình bị cáo nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định theo biên lai thu tiền số 0001796 ngày 15.5.2025 để đảm bảo thi hành án.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Huỳnh Thị S và bị hại bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

6. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT&KSXX PT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tồn